

DẪN LIỆU BƯỚC ĐẦU VỀ NHÓM CUA (BRACHYURA, CRUSTACEA) Ở RỪNG NGẬP MẶN VEN BIỂN TỪ TỈNH GIA (TỈNH THANH HÓA) ĐẾN HỘI AN (TỈNH QUẢNG NAM)

ĐỖ VĂN NHƯỢNG, HOÀNG NGỌC KHẮC

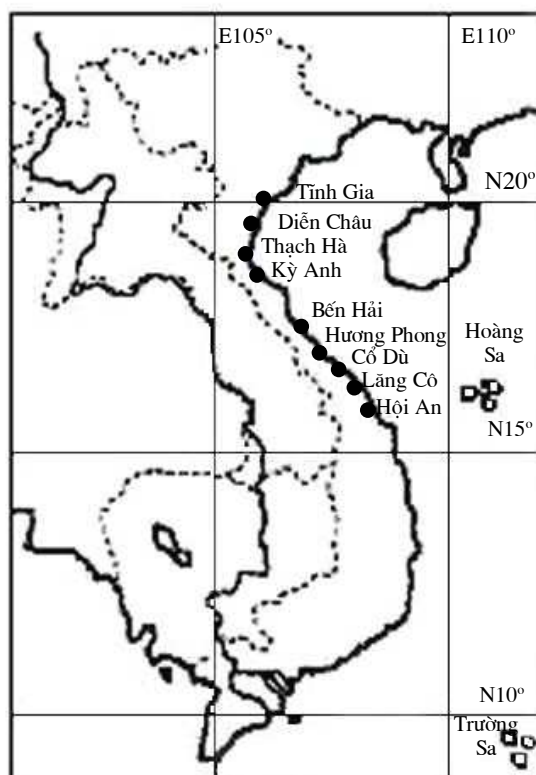
Trường đại học Sư phạm Hà Nội

Rừng ngập mặn ven biển từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Quảng Nam phần lớn lẻ tẻ ở ven các cửa sông và đầm phá. Các bãi triều hẹp, dốc, phân bố không liên tục, có lượng phù sa ít không đủ bồi thành bãi lầy ven biển như ở phía bắc và phía nam nước ta. Trầm tích của các bãi triều có hàm lượng phốt pho cao ở tầng mặt, thấp ở tầng sâu. Độ mặn trung bình từ 28-30‰ vào mùa khô và từ 15-23‰ vào mùa mưa. Lượng mưa trung bình từ 1611-2928 mm/năm. Chế độ thủy triều là bán nhật triều không đều; biên độ và độ lớn của triều từ 2-3,5 m; nước triều thường lớn vào các tháng 7, 9, 12 và tháng 1. Thành phần thực vật chủ yếu là đước (*Rhizophora stylosa* Griff), mắm (*Avicennia marina* Vierh), giá (*Excoecaria agallocha* L.), bần chua (*Sonneratia caseolaris* (L.)), ô rô (*Acanthus ilicifolius* Roxb.), dừa nước (*Nypa fruticans* Wurmb.)...

Cho đến nay, các dẫn liệu về động vật đáy, đặc biệt là nhóm cua, ở rừng ngập mặn ven biển miền trung của nước ta còn rất hạn chế. Công trình nghiên cứu trước đây của Dawydoff (1952) [3] đề cập phần lớn đến nhóm cua ở các đảo quanh khu vực Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), vùng dưới triều và vùng khơi thuộc Trung Bộ và nam Trung Bộ. Cho tới những năm 80 của thế kỷ XX đến nay, mới lại có những nghiên cứu của Nguyễn Văn Chung và cs. ở Viện Hải dương học Nha Trang và Trung tâm nghiên cứu Thủy sản 3 thuộc vùng ven biển miền Trung [1]. Nhìn chung, các nghiên cứu trên phần lớn tập trung vào các nhóm động vật đáy có giá trị kinh tế được nuôi trồng hoặc khai thác tự nhiên (chủ yếu là Thân mềm), riêng các loài cua phần lớn bao gồm các loài ở vùng khơi và ven bờ.

Tháng 12 năm 2003, chúng tôi đã tiến hành điều tra thành phần loài cua trong rừng ngập

mặn ven bờ từ Tỉnh Gia (tỉnh Thanh Hóa) đến Hội An (tỉnh Quảng Nam) nhằm phát hiện thành phần loài của nhóm cua (Brachyura, Crustacea) trong các khu vực còn rừng ngập mặn.



Sơ đồ vị trí các điểm thu mẫu

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu vật được thu trong và ven rừng ngập mặn ở 9 địa điểm (xem sơ đồ vị trí các điểm thu mẫu) dưới dạng các mẫu định tính, với tổng số mẫu phân tích là 161. Định loại cua theo các tài liệu của Jocelyn Crane (1975) [2], Dai và Yang (1994) [4]. Mẫu vật được lưu trữ tại bộ môn Động vật học, trường đại học Sư phạm Hà Nội.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài cua

Bảng sau đây giới thiệu thành phần loài và phân bố của các loài cua ở rừng ngập mặn tại các địa điểm nghiên cứu. Bước đầu, đã xác định

được 36 loài thuộc 5 họ Grapsidae, Varunidae, Ocypodidae, Mictyridae và Portunidae. Trong số này, chiếm đa số là các loài thuộc Ocypodidae, có tới 19 loài và Grapsidae tới 11 loài; các họ khác chiếm tỷ lệ thấp. Đây là các họ phổ biến trong rừng ngập mặn ven biển ở phía bắc và phía nam nước ta.

Bảng

Thành phần loài và phân bố của nhóm cua (Brachyura, Crustacea) ở rừng ngập mặn ven biển từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Quảng Nam

S TT	Tên khoa học	Phân bố ở rừng ngập mặn								
		TG	DC	TH	KA	BH	HP	CD	LC	HA
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Grapsidae									
1	<i>Sesarma bidens</i> (de Haan, 1835)	+	+	+			+			+
2	<i>S. plicata</i> (Latreille, 1806)		+							
3	<i>S. impressum</i> (H. Milne-Edwards, 1837)						+			
4	<i>Parasesarma pictum</i> (De Haan, 1835)						+			
5	<i>Neopisesarma lafondi</i> (Jaquinot & Lucas, 1835)					+				
6	<i>Metaplex elegans</i> de Man, 1888		+							
7	<i>M. longipes</i> Stimpson, 1858		+							
8	<i>Metopograpsus quadridentatus</i> Stimpson, 1858		+							
9	<i>M. latifrons</i> (White, 1847)									+
10	<i>M. thukuhar</i> (Owen, 1839)								+	
11	<i>Clistocoeloma merguensis</i> de Man, 1888		+							
	Varunidae									
12	<i>Parapyxidognathus deianira</i> De Man, 1888						+			
13	<i>Varuna litterata</i> (Fabricius, 1798)		+						+	
14	<i>Hemigrapsus penicillatus</i> (De Haan, 1835)								+	
15	<i>Helice latimera</i> Parisi, 1891	+	+							
	Ocypodidae									
16	<i>Ocypode ceratophthalma</i> (Pallas, 1772)		+		+			+	+	+
17	<i>O. sinensis</i> Dai & Yang, 1985				+			+	+	+
18	<i>Uca acuta</i> (Stimpson, 1858)	+		+						
19	<i>U. vocans</i> (Linnaeus, 1758)									+
20	<i>U. crassipes</i> (Adams & White, 1848)									+
21	<i>U. lactea</i> (De Haan, 1835)	+					+			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	<i>U. borealis</i> Crane, 1975									+
23	<i>Scopimera bitympana</i> Shen, 1930		+				+	+		
24	<i>S. curtelsoma</i> Shen, 1936									+
25	<i>S. tuberculata</i> Stimpson, 1858	+		+						
26	<i>Scopimera</i> sp.									+
27	<i>Dotilla wichmanni</i> De Man, 1892		+	+				+		+
28	<i>Ilyoplax formosensis</i> Rathbun, 1921									+
29	<i>Il. serrata</i> Shen, 1931		+							
30	<i>Tmethypocoelis ceratophora</i> (Koelbel, 1897)		+				+	+		+
31	<i>Macrophthalmus definitus</i> Adam & White, 1848			+						
32	<i>M. tomemosus</i> (Souleyet, 1841)		+							
33	<i>M. abbreviatus</i> (Manning et Holthuis, 1981)		+							
34	<i>Paracleistostoma crassipilum</i> Dai & Yang, 1984									+
	Mictyridae									
35	<i>Mictyris brevidactylus</i> Stimpson, 1858		+							+
	Portunidae									
36	<i>Scylla serrata</i> (Forsk., 1775)		+	+	+			+		
	Tổng cộng	5	17	6	3	1	7	6	5	14

Ghi chú: TG. Tỉnh Gia (tỉnh Thanh Hóa); DC. Diễn Châu (tỉnh Nghệ An); TH. Thạch Hà; KA. Kỳ Anh (tỉnh Hà Tĩnh); BH. Bến Hải (tỉnh Quảng Trị); HP. Hương Phong; CD. Cổ Dù; LC. Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên-Huế); HA. Hội An (tỉnh Quảng Nam).

Qua bảng này, có thể đưa đến các nhận xét sau:

Nhóm loài chung với vùng rừng ngập mặn phía bắc có *Sesarma bidens*, *S. plicata*, *Helice latimera*, *Parasesarma pictum*, *Ilyoplax formosensis*, *Metopograpsus quadridentatus*, *M. latifrons*, *Uca acuta* và *Macrophthalmus definitus*.

Nhóm loài cho đến nay chỉ gặp riêng ở khu vực từ tỉnh Quảng Trị trở vào đến tỉnh Quảng Nam là: *Parapyxidognathus deianira*, *Hemigrapsus penicillatus*, *Neopisesarma lafondi*, *Scopimera curtelsoma*, *Ocypode sinensis* và *Metopograpsus thukuhar*. Đặc biệt, gặp một số cá thể đực mang đặc điểm của giống *Scopimera* nhưng có sai khác về hình thái của gonopod, nên chúng tôi chưa xác định được tên loài, cũng có thể đây là loài mới (loài thứ 26). Riêng dẫn liệu ở Tỉnh Gia (tỉnh Thanh Hóa) chỉ có tính chất tham khảo vì vị trí này có thể coi là ở phía bắc nước ta.

Nhóm loài phân bố rộng ở rừng ngập mặn cả phía bắc và phía nam nước ta có *Sesarma bidens*, *Sesarma plicata*, *Metaplex elegans*, *M. longipes*, *Varuna litterata*, *Ocypode ceratophthalma*, *Uca lactea*, *U. borealis*, *Scopimera bitympana*, *Dotilla wichmanni*, *Paracleistostoma crassipilum*, *Mictyris brevidactylus* và *Scylla serrata*. Chúng cũng là những loài phân bố ở ven biển phía tây Thái Bình Dương.

Nhìn chung, thành phần loài của nhóm cua ở khu vực rừng ngập mặn ven biển từ tỉnh Thanh Hóa vào đến tỉnh Quảng Nam phong phú hơn so với các nhóm động vật đáy khác. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chưa được kỹ; hy vọng trong thời gian tới, sẽ tiếp tục bổ sung thêm thành phần loài của ở khu vực này.

2. Đặc trưng phân bố của các loài cua

Đặc điểm chung của rừng ngập mặn ở khu vực nghiên cứu là nhỏ hẹp, bị tàn phá nhiều nên

ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phân bố của nhiều loài cua trong rừng ngập mặn. Thời điểm nghiên cứu vào tháng nước triều lên cao. Dựa vào các kết quả thu được trong tháng 12 năm 2003, có thể nêu được một số nhận xét về sự phân bố của các loài cua ở rừng ngập mặn ven biển từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Quảng Nam.

a. Nhìn chung, các loài cua đã gặp là những loài đào hang sâu trong nền đáy sàn rừng hoặc có kích thước nhỏ dễ lẫn trốn trong rừng. Trong họ Grapsidae, có loài chuyên ở hang như *Helice latimera*; còn lại là các loài không đào hang, chuyên sống bám vào rễ và thân cây ngập mặn; chúng chỉ tìm vào hang của các loài khác khi bị săn đuổi.

Trong họ Ocypodidae, hầu hết các loài ở hang; chúng chỉ ra khỏi hang để kiếm ăn và đặc trưng của nhóm này là ở phía ngoài rừng ngập mặn hoặc khoảng trống trong rừng. Trong nhóm này, đáng lưu ý là hai loài *Ocypode ceratophthalma* và *Ocypode sinensis* phân bố rất rõ rệt về độ cao. Nếu hai loài có cùng địa điểm phân bố thì bao giờ *Ocypode sinensis* cũng phân bố trên cao so với *Ocypode ceratophthalma*.

Loài *Metaplex elegans* là loài phổ biến ở rừng ngập mặn ven biển phía bắc và phía nam có nền đáy bùn; từ phía bắc trở vào, chỉ gặp cho đến Diễn Châu (tỉnh Nghệ An). Nhìn chung, nơi rừng ngập mặn phát triển như ở Diễn Châu và cửa Đại ở Hội An có thành phần loài cua phong phú hơn.

b. Tính chất cơ giới của nền đáy là cát bùn và mùn, cùng với chế độ thủy triều, độ mặn và mức độ phát triển của rừng ngập mặn chùng mực nào đó có thể đã làm giảm tính đa dạng loài trong các họ, thiếu vắng những loài phổ biến ở rừng ngập mặn phía bắc và phía nam nước ta như *Sesarma dehaani*, *Uca arcuata*, *Macrophthalmus tomemtosus*, *Ilyoplax serrata*..., vốn là những loài chuyên ăn trầm tích trên mặt bùn, nơi có độ mặn thấp và thích nền đáy bùn sét. Thời gian ngập triều lâu cũng là nguyên nhân đưa đến thiếu một số loài vốn ưa thời gian phơi bãi kéo dài như các loài thuộc các giống *Macrophthalmus*, *Uca*.

III. KẾT LUẬN

Bước đầu, đã phát hiện 36 loài cua thuộc 5 họ ở rừng ngập mặn ven biển từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Quảng Nam. Thành phần loài đã gặp chủ yếu nằm trong 2 họ Ocypodidae và Grapsidae. Nhiều loài phân bố rộng, gặp ở rừng ngập mặn phía bắc và phía nam nước ta. Đặc trưng cho thành phần loài cua của khu vực nghiên cứu là các loài *Parapyxidognathus deianira*, *Hemigrapsus penicillatus*, *Scopimera curtelsoma*, *Scopimera* sp. và *Neoepisesarma lafondi*.

Đặc trưng của các loài cua đã gặp ở rừng ngập mặn tại khu vực nghiên cứu phần lớn là các nhóm đào hang, thích nghi với chế độ nhật triều không đều, nên đáy là cát bùn và mùn, độ mặn cao của ven biển miền trung của nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Văn Chung**, 2005: Họ cua Vương (Grapsidae, Crustacea) ở biển Việt Nam. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống: 88-90. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. **Crane J.**, 1975: Fiddler Crabs of the World Ocypodidae: genus Uca: 537-581. New Jersey: Princeton University Press.
3. **Dawydoff M. C.**, 1952: Contribution à l'étude des invertèbres de la faune marine benthique de L'Indochine. Extrait du Bulletin Biologique de la France et de la Belgique, suppl. XXXVII: 127-155.
4. **Dai Ai-yun and Yang Si Liang**, 1994: Crabs of the China seas: 118-558. China Ocean Press, Beijing.
5. **Đỗ Văn Nhượng, Keiji Wada**, 2001: Tạp chí Sinh học, 23(3B): 45-50. Hà Nội.
6. **Đỗ Văn Nhượng**, 2003: Tạp chí Sinh học, 25(4): 6-10. Hà Nội.
7. **Đỗ Văn Nhượng, Hoàng Ngọc Khắc**, 2004: Tạp chí Sinh học, 26(4): 13-19. Hà Nội.

**PRELIMINARY DATA ON BRACHYURA (CRUSTACEA) IN COASTAL
MANGROVE FORESTS FROM TINHGIA (THANHHOA PROVINCE)
TO HOIAN (QUANGNAM PROVINCE)**

DO VAN NHUONG, HOANG NGOC KHAC

SUMMARY

The surveying on Brachyura (Crustacea) in coastal mangrove forests from Tinhgia (Thanhhoa province) to Hoian (Quangnam province) was carried out in December, 2003 at 9 localities. 36 crab species, belonging to 5 families were collected and the species number was mainly in the families Ocypodidae and Grapsidae. In addition, there were several wide range species found in the northern fauna as well as in the southern fauna of Vietnam. Crabs were numerous in species in Vietnam mangrove ecosystems.

The characteristics of the crab species composition in mangrove forests from Tinhgia to Hoian were following species: *Parapyxidognathus deianira*, *Hemigrapsus penicillatus*, *Neopisesarma lafondi*, *Scopimera curielsoma*, *Ocypode sinensis* and *Metopograpsus thukuhar*. All the crab species found in these mangrove stands were burrowers and ground-dwelling animals. The ground-dwelling crabs could be found on the lower parts of the tree trunks.

Ngày nhận bài: 16-06-2005